TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2024/DS-ST
Ngày 25 – 7 – 2024
V/v tranh chấp HĐ mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn

2. Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Nhật – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2024/TLST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tăng Trung K, sinh năm 1971 và chị Huỳnh Hồng H, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Lung M, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của anh Tăng Trung K: Chị Huỳnh Hồng H, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Lung M, xã Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1954; chị Võ Thị N, sinh năm 1979; anh Võ Văn H1, sinh năm 1982; anh Võ Văn P, sinh năm 1985; chị Võ Thị N1, sinh năm 1987; anh Võ Văn Đ, sinh năm 1990; anh Võ Văn U, sinh năm 1994; chị Võ Thị M, sinh năm 1994; anh Võ Văn Út E, sinh năm 1996 và anh Võ Văn Út M1, sinh năm 1998; Cùng địa chỉ: ấp Đường C, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Huỳnh Hồng H (nguyên đơn) trình bày:

Ông Võ Văn A và bà Trần Thị D là vợ chồng. Vào năm 2011, chị cùng chồng là anh Tăng Trung K có mở đại lý Kiên Hạnh bán thức ăn nuôi tôm công nghiệp. Đến năm 2015, ông A nhiều lần mua thức ăn nuôi tôm tại đại lý của vợ

chồng chị, do ông A nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm không trả nên vợ chồng chị khởi kiện ra Tòa án. Đến ngày 05/02/2019 âm lịch, ông A cùng vợ chồng chị đối chiếu, kết toán nợ với nhau và ông A đã viết tờ cam kết nợ vợ chồng chị số tiền 68.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu ngưng việc khởi kiện lại đúng 01 năm sẽ trả hết số tiền nợ trên nên vợ chồng chị mới rút đơn khởi kiện. Sau đó, ông A đã trả cho vợ chồng chị số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại là 38.000.000 đồng đến nay chưa trả. Hiện ông A đã chết, nên vợ chồng chị yêu cầu vợ cùng các con ông A gồm: Bà Trần Thị D, chị Võ Thị N, anh Võ Văn H1, anh Võ Văn P, chị Võ Thị N1, anh Võ Văn Đ, anh Võ Văn U, chị Võ Thị M, anh Võ Văn Út E và anh Võ Văn Út M1 có trách nhiệm trả một lần hết số tiền còn nợ là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng). Ngoài ra, vợ chồng chị không yêu cầu gì khác.

Đối với bà Trần Thị D, chị Võ Thị N, anh Võ Văn H1, anh Võ Văn P, chị Võ Thị N1, anh Võ Văn Đ, anh Võ Văn U, chị Võ Thị M, anh Võ Văn Út E và anh Võ Văn Út M1 Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các đưng sự có tên nêu trên vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn bà Trần Thị D, chị Võ Thị N, anh Võ Văn H1, anh Võ Văn P, chị Võ Thị N1, anh Võ Văn Đ, anh Võ Văn U, chị Võ Thị M, anh Võ Văn Út E và anh Võ Văn Út M1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc yêu cầu các đương sự - Là vợ và con của ông Võ Văn A cung cấp bản sao giấy chứng tử của ông A cùng tờ khai tông chi đối với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông A. Tuy nhiên, đến thời điểm mở phiên tòa đương sự vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nêu trên cho Tòa án nên căn cứ vào lời khai của nguyên đơn xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Âu chỉ gồm: Bà D, chị N, anh H1, anh P, chị N1, anh Đ, anh U, chị M, anh Út E và anh Út M1, không còn ai khác để đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án là có cơ sở.

[2] Tuy các đương sự không cung cấp được hợp đồng mua bán nhưng vào ngày 05/02/2019 âm lịch, ông Võ Văn A đã viết giấy cam kết trả nợ cho nguyên đơn là chủ đại lý bán thức ăn tôm Kiên Hạnh số tiền 68.000.000 đồng nên tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua bán thức ăn nuôi tôm. Quá trình thực hiện việc mua bán, nguyên đơn thừa nhận sau khi viết giấy cam kết, ông A đã trả được số tiền là 30.000.000 đồng thì ngưng, không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp số tiền còn lại cho nguyên đơn, nên căn cứ vào giấy cam kết nêu trên, nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở.

Mặc dù, các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các bị đơn không đến Tòa không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Tòa án xem xét nhưng căn cứ vào giấy cam kết ngày 05/02/2019 âm lịch do ông Võ Văn A ký, ghi họ tên cùng lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, thể hiện việc ông A có mua bán thức ăn nuôi tôm và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng) là sự

thật nên không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ, hiện ông A đã chết nhưng bà Trần Thị D, chị Võ Thị N, anh Võ Văn H1, anh Võ Văn P, chị Võ Thị N1, anh Võ Văn Đ, anh Võ Văn U, chị Võ Thị M, anh Võ Văn Út E và anh Võ Văn Út M1 không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ chứng minh là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh là của các đương sự. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông A phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Đối với việc trả nợ một hay nhiều lần, Hội đồng xét xử xét thấy việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên đề cập xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tăng Trung K, chị Huỳnh Hồng H.

Buộc bà Trần Thị D, chị Võ Thị N, anh Võ Văn H1, anh Võ Văn P, chị Võ Thị N1, anh Võ Văn Đ, anh Võ Văn U, chị Võ Thị M, anh Võ Văn Út E và anh Võ Văn Út M1 có trách nhiệm thanh toán cho anh Tăng Trung K, chị Huỳnh Hồng H số tiền là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày anh K, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, bà D cùng chị N, anh H1, anh P, chị N1, anh Đ, anh U, chị M, anh Út E và anh Út M1 không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Trần Thị D, chị Võ Thị N, anh Võ Văn H1, anh Võ Văn P, chị Võ Thị N1, anh Võ Văn Đ, anh Võ Văn U, chị Võ Thị M, anh Võ Văn Út E và anh Võ Văn Út M1 phải nộp số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng - chưa nộp).

Anh Tăng Trung K, chị Huỳnh Hồng H không phải nộp. Ngày 22/5/2024, anh K và chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 950.000 đồng (chín trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003530 được trả lại toàn bộ cho anh K, chị H.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân